

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 11 - 2018

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Ba**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sanh**

2. Ông **Ngô Bá Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ngọc Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 09 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Đinh Quang P** - Sinh năm: 1971. Có mặt.

* Bị đơn: Bà **Trần Thị N** – Sinh năm: 1964. Có mặt.

Cùng trú tại: Số K34/H2/14, đường L, tổ 24 mới, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2018, bản khai và trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Đinh Quang P** trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà **Trần Thị N** có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/1997 tại Ủy ban Nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Ông P cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tài chính trong gia đình, ông và bà N bất đồng về quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, trong giáo dục con cái, trong vấn đề tình cảm, trước khi đến với ông, bà đã có 5 mối tình, cách cư xử của bà N với cha mẹ, anh chị em của ông, ông từ ngoài Bắc vào đây công tác không có tình cảm của người thân,

hơn nữa do công việc ông thường xuyên vắng nhà bà N đã không thông cảm chia sẻ cùng ông mà còn nghi ngờ, theo dõi ông, ông thấy cuộc sống vợ chồng quá ngọt ngào, mâu thuẫn tích tụ dần làm cho ông không còn tình cảm với bà N, vợ chồng không có tiếng nói chung nên ông đã bỏ vào đơn vị sống từ T4/2018 cho đến nay, lúc ông đau ốm nằm viện bà và các con không quan tâm chăm sóc gì đến ông, tuy vợ chồng không cãi vã lớn tiếng nhưng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ông chỉ trong gia đình đơn vị và tổ dân phố không biết. Trong lúc bức xúc về việc bà N đã nghi ngờ ông nên ông đã nói với bà N là ông có con trai trước khi kết hôn, thực tế là ông không còn yêu thương gì bà N nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà N.

** Về quan hệ con chung:* Ông và bà N có 02 con chung là Đinh Trần Kiều T – Sinh ngày: 18/12/1998 và Đinh Trần Minh T – Sinh ngày: 31/12/2003.

Ly hôn ông P giao con Đinh Trần Minh T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ khi có quyết định ly hôn của Tòa án.

Còn con chung tên Đinh Trần Kiều T đã trên 18 tuổi nên sống với cha hay mẹ là do con chung tự quyết định.

** Về quan hệ tài sản chung:* Ông và bà N có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về quan hệ nợ chung:* Ông và bà N không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Trần Thị N trình bày:**

** Về quan hệ hôn nhân:* Bà N thống nhất với lời trình bày của ông P về thời gian, điều kiện kết hôn.

Theo bà N vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ khi ông P về báo có con riêng sinh năm 1997 thì gia đình mới phát sinh mâu thuẫn, và ông P làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà, ông P muốn ly hôn với bà vì hiện đang có quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng bà không muốn làm lớn chuyện để ông P tự suy nghĩ và có những đổi thay. Từ khi kết hôn đến nay gia đình sống hạnh phúc tuy cũng có những cãi vã, nhưng chỉ là những cãi vã nhỏ nhặt hàng ngày, bà và ông P đã trải qua bao nhiêu khó khăn, gian khổ để có được gia đình như hôm nay, con gái lớn của bà hiện nay sắp được kết nạp Đảng, con gái nhỏ hiện đang học lớp 11, để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các con, ông P nên nghĩ đến các con và tất cả những gì ông bà đã trải qua, dù ông P có con trai riêng bà cũng chấp nhận, ông nên quay về để cùng bà chăm lo cho các con, và thực sự bà còn rất yêu thương ông.

** Về quan hệ con chung:* Bà và ông P có 02 con chung là Đinh Trần Kiều T – Sinh ngày: 18/12/1998 và Đinh Trần Minh T – Sinh ngày: 31/12/2003.

Bà không muốn ly hôn nên vấn đề con chung không đề cập giải quyết, trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông P ly hôn với bà thì bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Trần Minh T và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con là 6.000.000đ/tháng.

Còn con chung tên Đinh Trần Kiều T đã trên 18 tuổi nên sống với cha hay mẹ là do con chung tự quyết định.

* *Về quan hệ tài sản chung*: Bà và ông P có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về quan hệ nợ chung*: Bà và ông P không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trần Thị N hiện có nơi cư trú tại số K34/H2/14 đường L, tổ 24, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung

Tại phiên tòa, ông Đinh Quang P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với bà Trần Thị N HĐXX thấy:

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Quang P và bà Trần Thị N có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/1997 tại Ủy ban Nhân dân phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo ông P vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân chủ yếu là do tiền bạc, ông và bà N không đồng về quan điểm trong giáo dục con cái, cách cư xử của bà N với gia đình ông, do công việc ông thường xuyên vắng nhà bà N đã không thông cảm chia sẻ mà còn nghi ngờ, vợ chồng tuy không hề cãi vã to tiếng với nhau nhưng mâu thuẫn tích tụ dần làm cho cuộc sống vợ chồng càng lạnh nhạt, vợ chồng không có tiếng nói chung và ông đã bỏ vào đơn vị sống từ T4/2018 cho đến nay, lúc ông đau ốm nằm viện bà và các con không quan tâm đến ông. Tình cảm vợ chồng không còn nên ông muốn ly hôn với bà N.

Về phía bà N cho rằng sau khi kết hôn đến nay, vợ chồng sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là những cãi vã nhỏ nhất hàng ngày, ông P và bà đều chăm lo cho gia đình từ lúc vợ chồng còn khó khăn cho đến khi các con khôn lớn, kinh tế gia đình tạm ổn định. Thời gian gần đây ông P nói với bà trước khi kết hôn ông có người con trai riêng sinh năm 1997 nhưng đến nay ông P mới biết, từ đó đã làm cho ông P có những thay đổi, hay cãi vã với bà, bà cho rằng việc này ảnh hưởng lớn đến tình cảm của bà, nhưng ông bà vẫn mong muốn ông P suy nghĩ lại và quay về cùng bà chăm lo cho gia đình và con cái.

Qua xác minh tại địa phương thì địa phương không thấy gia đình ông P và bà N có gây gỗ, cãi vã ồn ào gì, không có sự việc gì gây ảnh hưởng đến tổ dân phố.

Xét thấy ông P cho rằng vợ chồng có rất nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nhưng ông không đưa ra bất cứ chứng cứ nào chứng minh cho mâu thuẫn của vợ chồng, ông chỉ nói một cách chung chung bà N không còn quan tâm gì đến ông, không chia sẻ công việc cùng ông, ông P đưa ra lý do không còn tình cảm với bà N là chưa không thuyết phục. Trong các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, HĐXX thấy mâu thuẫn của ông P và bà N chủ yếu do tác động từ bên ngoài, vợ chồng bị mâu thuẫn bởi nguồn tin là ông P có con trai riêng, lẽ ra ông P phải có những giải thích rõ ràng cho bà N nhưng ông P đã không làm điều đó mà tự động bỏ vào đơn vị sinh sống, điều đó chứng tỏ bản thân ông P chưa cố gắng níu kéo hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ông P và bà N thực tế không xuất phát từ nội bộ gia đình mà từ trước đến nay ông bà sống rất hạnh phúc, bà N vẫn còn yêu thương ông P và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, từ khi kết hôn đến nay vợ chồng đã phải trải qua nhiều khó khăn của cuộc sống để xây dựng hạnh phúc gia đình như hôm nay, ông bà cũng không còn trẻ cần phải nương tựa lẫn nhau, hỗ trợ nhau về mặt tinh thần để vui sống và cùng chăm sóc con chung.,

Do vậy HĐXX thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông P và bà N chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn được nên HĐXX căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Đinh Quang P đối với bà Trần Thị N.

Vì không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Đinh Quang P đối với và Trần Thị Năm nên vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung của ông Đinh Quang P và bà Trần Thị N HĐXX không đề cập giải quyết.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Đinh Quang P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng: Không chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Đinh Quang P đối với và Trần Thị N

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Đinh Quang P đối với và Trần Thị N nên vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung của ông Đinh Quang P và bà Trần Thị N HĐXX không đề cập đến.

Như đã phân tích thì HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Đinh Quang P đối với bà Trần Thị N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000đ ông Đinh Quang P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 3739 ngày 7/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông Đinh Quang P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, tp Đà Nẵng
- Ủy ban nhân dân phường T Quận H, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Ba

